

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2026
“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Hữu Thanh
- Bà Sơn Thị Thiêng

Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nhẹ, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phương Thị N, sinh ngày 04/3/1990. Địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xét xử vắng mặt).
- *Bị đơn:* Anh Kim N1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2026, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Phương Kim N2 trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2011 chị N2 và anh Kim N1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh cũ; nay là xã H tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới chị và anh N1 về bên chồng sống một thời gian, sau đó về nhà cha mẹ ruột của chị ở xã H sinh sống; thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 anh N1 thay đổi tính tình quen người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm lo gia đình, chị nhiều lần khuyên

nhưng anh N1 không sửa đổi mà bỏ mặc không còn chăm lo gia đình, đến tháng 7/2025 thì anh N1 về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Kim N1.

- Về con chung tên: Kim Phương N3 sinh ngày 25/3/2013, Kim Phương Kiều N4, sinh ngày 10/9/2018, Kim Phương N5, sinh ngày 26/02/2017.

Chị N2 thoả thuận giao anh N1 nuôi con tên Kim Phương N3 sinh ngày 25/3/2013 và chị yêu cầu nuôi các con tên Kim Phương Kiều N4, sinh ngày 10/9/2018, Kim Phương N5, sinh ngày 26/02/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N2 không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N2 không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Kim Nam vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết anh N1 không cung cấp chứng cứ và không có lời khai nộp cho Tòa án.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án;

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015 sửa đổi, bổ sung 2025. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do không có lời trình bày là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015 sửa đổi, bổ sung 2025.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Cho chị Phương Thị N được ly hôn với anh Kim N1.

+ Về con chung: Giao cháu Kim Phương N3 sinh ngày 25/3/2013 anh N1 tiếp tục nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của con được sống chung với cha; giao cháu Kim Phương Kiều N4, sinh ngày 10/9/2018, Kim Phương N5, sinh ngày 26/02/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con được sống chung với mẹ. Do chị N, anh N1 không tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- + Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- + Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn chị Phương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn Kim N1 là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh N1 theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Phương Thị N tranh chấp ly hôn và nuôi con đôi với anh Kim N1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Phương Thị N và anh Kim N1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị N và anh N1 là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị N và anh N1 phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, cách ứng xử không hoà thuận được, không bên nào tạo điều kiện để hàn gắn lại. Chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N1 không còn hạnh phúc, anh chị không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên chị N yêu cầu ly hôn với anh N1. Anh N1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, biết được nội dung chị N tranh chấp nhưng anh N1 không cung cấp chứng cứ, không có lời khai để nộp cho Tòa án xem xét; anh N1 không đến tham dự phiên hòa giải mà không có lý do nên không tiến hành hòa giải được và xét thấy việc anh N1 vắng mặt thể hiện không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị N.

Qua đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh N1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phương Thị N.

[4] Về quyền nuôi con: Giữa chị N và anh N1 có ba người con tên Kim Phương N3 sinh ngày 25/3/2013, Kim Phương Kiều N4, sinh ngày 10/9/2018, Kim Phương N5, sinh ngày 26/02/2017; hiện cháu Kim Phương N3 do anh N1 nuôi dưỡng và cháu N3 có nguyện vọng sống với cha là Kim N1; đối với Kim Phương Kiều N4, Kim Phương N5 do chị N nuôi dưỡng và các con có nguyện vọng sống với mẹ là Phương Thị N.

Xét thấy, trong thời gian nuôi con thì chị N, anh N1 đảm bảo cuộc sống của con ổn định về vật chất, tinh thần. Chị N, anh N1 không tranh chấp về việc nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao

con chung tên Kim Phương N3 cho anh N1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con và giao con chung tên Kim Phương Kiều N4, Kim Phương N5 cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con là đảm bảo cuộc sống của các con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị N và anh N1 không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản và nợ chung (số nợ phải thu, phải trả) của vợ chồng: Xét thấy đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị N và anh N1 không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị N phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, **238**, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự **2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025**;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phương Thị N.

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Phương Thị N ly hôn với anh Kim N1.

- **Về quyền nuôi con:** Giao cho anh Kim N1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Kim Phương N3 sinh ngày 25/3/2013, theo nguyện vọng của con được sống chung với cha.

Giao chị Phương Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Kim Phương Kiều N4, sinh ngày 10/9/2018, Kim Phương N5, sinh ngày 26/02/2017, theo nguyện vọng của các con được sống chung với mẹ.

Anh Kim N1 và chị Phương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh N1 không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản và nợ chung của vợ chồng:** Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh N1 không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Phương Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003047 ngày 23/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Chị N đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Chị Phương Thị N và anh Kim N1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 13 - Vĩnh Long;
- THADS khu vực 13 - Vĩnh Long;
- UBND xã **Hàm Giang**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa